

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **301/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 25 - 11 - 2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thanh Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Kim Cúc.

Ông Nguyễn Văn Hận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 657/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 402/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Huỳnh Chí T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh C .

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Tô Văn C – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Văn phòng luật sư Hoàng Long – chi nhánh số 01 tại Cà Mau).

Địa chỉ: Số 3B, đường 1/5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Phạm Thị N212, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh C ..

*Nguyên đơn, bị đơn có mặt. Luật sư vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:**

Vào năm 2004 ông T và bà N212 tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn (theo xác nhận ngày 30/9/2019 của UBND thị trấn Sông Đốc). Trong quá chung sống giữa ông T và bà N212 có 02 con

chung tên Phạm Thị N212, sinh 15/01/2004, Huỳnh Như Ý, sinh 16/9/2007 (các con hiện nay đang sống với bà N212).

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà N212 tạo lập được các tài sản: 01 nhà trọ gồm 9 căn ngang 05 mét X dài 36 mét – tọa lạc tại khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (hiện trạng nhà tiền chế, xây tường); 01 căn nhà ở ngang 05 mét X dài 20 mét – tọa lạc tại khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (hiện trạng nhà cấp 4, xây tường, lợp tol, lát gạch men, xuyên kèo cột làm bằng gỗ; 01 xe máy hiệu Airblade do ông T đứng tên mua vào ngày 28/02/2014 (Các tài sản hiện nay bà N212 quản lý).

Tài sản riêng của ông T: 400.000.000 đồng tiền mặt ông T đưa bà N212 đem gửi Ngân hàng để bà N212 lấy lãi cho các con ăn học; 01 xe máy hiệu sirius của ông T mua riêng (Hiện nay đã bán); năm 1998 ông T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Thời ở phường 5, thành phố Cà Mau phần đất có hợp đồng sổ xanh với Lâm Ngư Trường 3 với diện tích đất 70 công, đến năm 2018 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hiền ở ấp 16, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau với số tiền 1.900.000.000 đồng (trong đó có cây trồng trên đất là trăm giá trị 200.000.000 đồng).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống con riêng của bà N212 nhiều lần xúc phạm ông T, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, vợ chồng sống ly thân hơn 02 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại và ông T hiện nay đã chung sống với người phụ nữ khác.

Ông T yêu cầu Tòa án không công nhận ông T và bà N212 là vợ chồng. Tài sản chung chia đôi (ông T yêu cầu được chia bằng tiền, bà N212 phải hoàn giá trị cho ông T), riêng phần tiền 400.000.000 đồng yêu cầu bà N212 trả lại. Về con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, việc cấp dưỡng nuôi con yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông T rút lại yêu cầu chia tài sản chung và phần tiền 400.000.000 đồng. Đồng thời, ông T không yêu cầu Luật sư tiếp tục bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, việc Luật sư vắng mặt ông T không có ý kiến gì.

***- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18/10/2019 và lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện:***

Bà N212 xác định bà và ông T tự nguyện sống chung với nhau năm 2002 chứ không phải năm 2004, quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung như ông T trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống giữa bà N212 và ông T tạo lập được các tài sản: 01 nhà trọ gồm 9 căn ngang 05 mét X dài 36 mét; 01 căn nhà ở ngang 05 mét X dài 20 mét, 01 xe máy hiệu Airblade theo như ông T trình bày là đúng (Các tài sản này hiện bà N212 quản lý). Ngoài ra, tài sản chung của vợ chồng còn có 01 xe máy hiệu sirius do ông T đứng tên (Hiện nay đã bán người khác); số tiền 700.000.000 đồng hiện nay ông T quản lý đang gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam phòng giao dịch Sông Đốc và trong phần đất ông T mua lại của người khác sổ hợp đồng với Lâm Ngư Trường 3 với diện tích đất 70 công, đã chuyển nhượng lại cho người khác giá 1.900.000.000 đồng thì vợ chồng có đóng góp

120.000.000 đồng để cuộc đất trồng tràm, 30.000.000 đồng lên nương, 40.000.000 đồng để bắt cầu qua đất; Đối với số tiền 400.000.000 đồng ông T đã cho các con mỗi người là 200.000.000 đồng, tiền này đã nuôi con ăn học và sửa chữa nhà cửa hết, hiện nay không còn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Năm 2017 ông T có quan hệ chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, có lần ông T đánh bà N212, vợ chồng sống ly thân đã hơn 02 năm nhưng không muốn hàn gắn trở lại.

Bà N212 không đồng ý ly hôn với ông T. Về con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, nếu có nguyện vọng sống với ông T thì bà N212 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nếu có nguyện vọng sống với bà N212 thì bà N212 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà N212 xác định ông T đã thỏa thuận tặng cho lại cho bà N212 và các con, nên bà N212 không đồng ý chia. Đối với phần đất trồng rừng đã bán yêu cầu ông T chia 400.000.000 đồng, đối với xe máy hiệu sirius yêu cầu ông T chia giá trị cho bà N212 11.000.000 đồng, tiền gửi Ngân hàng yêu cầu chia 350.000.000 đồng, Tòa án đã quy định cho bà N212 thời gian để gửi đơn yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật, nhưng bà N212 không thực hiện.

Tại phiên tòa bà N212 đồng ý ly hôn với ông T. Không yêu cầu chia tài sản chung (vì vợ chồng đã thỏa thuận được tài sản).

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Ông T xác định mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N212 mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T khởi kiện bà N212 về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và bà N212 có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Tại phiên tòa ông T không yêu cầu Luật sư tiếp tục bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, xét thấy đây là quyền của ông, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Việc Luật sư vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu ly hôn:* Mặc dù các bên khai không thống nhất với nhau về thời điểm sống chung với nhau, nhưng các bên đều xác định trong quá trình sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy ông T và bà N212 tự nguyện sống chung với nhau và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật

hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng ông T và bà N212 không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận ông T và bà N212 là vợ chồng là phù hợp.

**[4] Xét về con chung:**

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy các con chung tên Phạm Thị N212 và Huỳnh Như Ý đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với bà N212, do đó cần giao các con chung cho bà N212 nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này và ông T phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với bà N212 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Bà N212 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N212, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Xét về tài sản chung:** Tại phiên tòa ông T tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản của ông T. Đối với yêu cầu chia tài sản của bà N212, Hội đồng xét xử xét thấy bà N212 không có đơn yêu cầu, dự nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa bà N212 cũng không có yêu cầu chia tài sản nên không xem xét.

**[6] Xét về án phí:** Ông T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, số tiền tạm ứng án phí ông T đã dự nộp trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, số tiền còn dư hoàn trả lại toàn bộ cho ông T.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về nội dung:**

- Về hôn nhân: Không công nhận Huỳnh Chí T và Phạm Thị N212 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho bà N212 trực tiếp nuôi dạy các con chung tên Phạm Thị N212, sinh 15/01/2004 và Huỳnh Như Ý, sinh 16/9/2007. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai có quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này và ông T phải tôn trọng quyền của các con chung được sống với bà N212.

Buộc ông T giao cháu Phạm Thị N212 và cháu Huỳnh Như Ý bà N212 nuôi dạy.

- Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản của ông Huỳnh Chí T đối với 01 nhà trọ gồm 9 căn ngang 05 mét X dài 36 mét – tọa lạc tại khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (hiện trạng nhà tiền chế, xây tường); 01 căn nhà ở ngang 05 mét X dài 20 mét – tọa lạc tại khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (hiện trạng nhà cấp 4, xây tường, lợp tol, lát gạch men, xuyên kèo cột làm bằng gỗ); 01 xe máy hiệu Airblade và 400.000.000 đồng tiền mặt ông T đưa bà N212.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 18.225.000 đồng theo biên lai số 0002753 ngày 07/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, ông T được hoàn lại số tiền 17.925.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Từ Thanh Nhung**